

NHẮC VIỆC:

- ✓ **Tuần 21: BÀI THỰC HÀNH ĐÃ DẶN DÒ TRƯỚC TẾT - HỌC SINH NỘP VÀO TUẦN ĐẦU TIÊN SAU KHI ĐI HỌC LẠI.**
- ✓ **TUẦN 22,23: HS HOÀN TẤT PHẦN NỘI DUNG GHI BÀI VÀO VỞ BÀI HỌC (THEO NỘI DUNG BÊN DƯỚI- CHỮ MÀU ĐỎ)**
- ✓ **CÁC NHÓM CHƯA NỘP BÀI THUYẾT TRÌNH NHANH CHÓNG GỬI MAIL CHO CÔ, HẠN CHÓT: TRƯỚC NGÀY 27/2**
- ✓ **Tuần 24: HS CHUẨN BỊ 2 BÀI THỰC GHI HÀNH (GHI VIẾT CHÌ) – GV SẼ SỬA 2 BÀI SAU KHI ĐI HỌC LẠI.**

Tuần 21-Tiết 41- Bài 38: Thực hành : Tập duyệt thao tác giao phần

I. Bài tập thực hành

- Quan sát tranh minh họa để mô tả kỹ năng chọn cây, bông hoa, kỹ năng giao phần kết hợp theo dõi thao tác trên mẫu vật thật của GV
- Tự thao tác trên mẫu thật các kỹ năng: cắt vỏ trấu, khử nhị đực, lấy phần, thụ phấn, bao hoa bằng cách li và gắn nhãn.

II. Thu hoạch

1. Tên bài: -----

2. Họ và tên: -----

3. Nội dung thực hành: Hãy mô tả các thao tác về kỹ năng chọn cây, bông hoa, bao cách li và các dụng cụ dùng để giao phần.

+ Kỹ năng chọn cây: -----

+ Chọn hoa: -----

+ Bao cách li: -----

+ Các dụng cụ cần để giao phần: kéo, panh, kẹp, túi nilon.

4. Mô tả các kỹ năng: cắt vỏ trấu, khử nhị đực, lấy phần, thụ phấn, bao hoa bằng cách li ngắn và gắn nhãn.

+ Cắt vỏ trấu: -----

+ Khử nhị đực: -----

+ Lấy phần: -----

+ Bao hoa: -----

=====

Tuần 21-Tiết 42-

Bài 39: Thực hành : Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng

I. Bài tập thực hành

- Tự sắp xếp các tranh theo chủ đề (ghi số của tranh).
- Quan sát, so sánh với các kiến thức lí thuyết về thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng ở Việt Nam.

II. Thu hoạch

1. Tên bài: -----

2. Họ và tên: -----

3. Nội dung thực hành:- Ghi nhận xét vào bảng 39.

Bảng 39. Các tính trạng nổi bật và hướng sử dụng của một số vật nuôi

STT	Tên giống	Hướng sử dụng	Tính trạng nổi bật
1	Các giống bò: Bò sữa Hà Lan	-----	----- ----- ----- ----- ----- -----
	Bò Sind	-----	----- ----- ----- ----- ----- -----
2	Các giống lợn: Ỉ Móng Cái	-----	----- ----- ----- ----- ----- -----

=====

	Bóc sai	-----	----- ----- ----- ----- ----- ----- -----
3	Các giống gà: Gà Rốt ri	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Gà Hồ Đông Cảo	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Gà chọi	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Gà Tam Hoàng	-----	----- ----- ----- ----- -----

4	Các giống vịt: Vịt cỏ	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Vịt Bầu bến	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Vịt Kaki cambell	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Vịt Super meat	-----	----- ----- ----- ----- -----
5	Các giống cá trong nước và ngoài nước:	-----	----- ----- ----- -----

=====

	Cá rô phi đơn tính		----- -----
	Cá chép lai	-----	----- ----- ----- ----- -----
	Cá chim trắng	-----	----- ----- ----- ----- -----

- Cho nhận xét về kích thước, số rãnh hạt/bấp của ngô lai F₁ và các dòng thuần làm bố mẹ, sự sai khác về số bông, chiều dài và số hạt/số bông của lúa lai và lúa thuần.

Trả lời:

- Cho biết ở địa phương em hiện nay sử dụng những giống vật nuôi và cây trồng mới nào?

Trả lời:

=====

SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

Chương I. Sinh vật và môi trường

Tuần 22-Tiết 43- **Bài 41: Môi trường và các nhân tố sinh thái**

Câu 1: Quan sát trong tự nhiên, hãy điền nội dung phù hợp vào các ô trống trong bảng 41.1: Môi trường sống của sinh vật

Trả lời:

STT	Tên sinh vật	Môi trường sống
1	Cây hoa hồng	
2	Cá chép	
3	Sâu rau	
4	Bọ chết	
5	Ong	
6	Thỏ	
7	Giun đất	
8	Phong lan	

Trả lời: Bảng 41.1. Môi trường sống của sinh vật

STT	Tên sinh vật	Môi trường sống
1	Cây hoa hồng	Đất và không khí
2	Cá chép	Nước
3	Sâu rau	Sinh vật
4	Bọ chết	Sinh vật

5	Ong	Không khí
6	Thỏ	Không khí
7	Giun đất	Đất
8	Phong lan	Sinh vật, không khí

Câu 2: Hãy điền vào bảng 41.2 tên các nhân tố sinh thái của môi trường tự nhiên, lựa chọn và sắp xếp các nhân tố sinh thái theo từng nhóm

Trả lời: Bảng 41.2. Bảng điền các nhân tố sinh thái theo nhóm

Nhân tố vô sinh	Nhân tố hữu sinh	
	Nhân tố con người	Nhân tố các sinh vật khác
Nước		
Không khí		
Ánh sáng		
Đất		

Trả lời: Bảng 41.2. Bảng điền các nhân tố sinh thái theo nhóm

Nhân tố vô sinh	Nhân tố hữu sinh	
	Nhân tố con người	Nhân tố các sinh vật khác
Nước	Các hoạt động khai thác của con người ảnh hưởng đến tự nhiên	Động vật: loài ăn thực vật, loài ăn động vật
Không khí	Các hoạt động bảo vệ của con người đối với tự nhiên	Thực vật: thực vật bậc thấp, thực vật bậc cao

=====

<i>Ánh sáng</i>	...	<i>Vi sinh vật</i>
<i>Đất</i>	...	...

Câu 3: Hãy nhận xét về sự thay đổi của các nhân tố sau:

- a) Trong một ngày (từ sáng tới tối), ánh sáng mặt trời chiếu trên mặt đất thay đổi như thế nào?
 - b) Ở nước ta, độ dài ngày vào mùa hè và mùa đông có gì khác nhau?
 - c) Sự thay đổi về nhiệt độ trong một năm diễn ra như thế nào?
- Trả lời:**

- a) -----

- b) -----

- c) -----

Trả lời:

- a) Trong một ngày (từ sáng đến tối) cường độ ánh sáng tăng dần từ sáng đến trưa và giảm dần từ trưa đến tối, góc độ chiếu sáng cũng thay đổi theo thời gian.
- b) Ở nước ta, ngày mùa hè dài hơn ngày mùa đông.
- c) Nhiệt độ tăng cao trong các tháng mùa hè và giảm thấp trong các tháng mùa đông, mùa xuân là thời gian chuyển tiếp từ mùa đông sang mùa hè nên nhiệt độ theo hướng tăng dần, mùa thu là thời gian chuyển tiếp từ hè sang đông nên nhiệt độ giảm dần. Nhiệt độ trong 1 năm tăng giảm dựa theo chu kì quay của trái đất quanh mặt trời.

=====

Câu 4: Môi trường sống của sinh vật là gì?

Trả lời:

Trả lời: *Môi trường sống của sinh vật là tất cả những gì bao quanh sinh vật.*

Câu 5: Điền từ/ cụm từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

Nhân tố sinh thái là những của môi trường tác động tới sinh vật. Các nhân tố sinh thái được chia thành hai nhóm: và

Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh bao gồm nhân tố sinh thái và nhân tố sinh thái

Trả lời: *Nhân tố sinh thái là những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật. Các nhân tố sinh thái được chia thành hai nhóm: nhóm nhân tố sinh thái vô sinh và nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh. Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh bao gồm nhân tố sinh thái con người và nhân tố sinh thái các sinh vật khác.*

Câu 6: Giới hạn sinh thái là gì?

Trả lời:

Trả lời: *Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.*

Câu 7: Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước, kiến, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, rắn hổ mang, áp suất không khí, cây gỗ, gỗ mục, gió thổi, cây cỏ, thảm lá khô, sâu ăn lá cây, độ tơi xốp của đất, lượng mưa. Hãy chia các nhân tố sinh thái trên thành các nhóm nhân tố sinh thái.

a) Các nhân tố sinh thái vô sinh

b) Các nhân tố sinh thái hữu sinh

Trả lời:

a) Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh: -----

b) Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh: -----

Trả lời:

- a) Nhóm nhân tố sinh thái vô sinh: *Mức độ ngập nước, độ dốc của đất, nhiệt độ không khí, ánh sáng, độ ẩm không khí, áp suất không khí, gỗ mục, gió thổi, thảm lá khô, độ tơi xốp của đất, lượng mưa.*
- b) Nhóm nhân tố sinh thái hữu sinh: *Kiến, rắn hổ mang, cây gỗ, cây cỏ, sâu ăn lá cây.*

Câu 8: Quan sát trong lớp học và điền thêm những nhân tố sinh thái tác động tới việc học tập và sức khỏe của học sinh vào bảng

Trả lời: Bảng 41.3. Bảng điền các nhân tố sinh thái trong lớp học

STT	Yếu tố sinh thái	Mức độ tác động
1	Ánh sáng	
2	Nhiệt độ	
3	Độ ẩm	
4	Không khí	
5	Sinh vật	
6	Tiếng ồn	

=====

Trả lời: Bảng 41.3. Bảng điền các nhân tố sinh thái trong lớp học

STT	Yếu tố sinh thái	Mức độ tác động
1	Ánh sáng	Đủ ánh sáng để đọc sách*
2	Nhiệt độ	Phù hợp để thoải mái học tập
3	Độ ẩm	Phù hợp để thoải mái học tập
4	Không khí	Phù hợp để thoải mái học tập
5	Sinh vật	Phù hợp để không gây bệnh cho cơ thể
6	Tiếng ồn	Đủ để tập trung học tập

Câu 9: Khi ta đem một cây phong lan từ trong rừng rậm về trồng ở vườn nhà, những nhân tố sinh thái của môi trường tác động lên cây phong lan sẽ thay đổi. Em hãy cho biết những thay đổi của nhân tố sinh thái đó.

Trả lời:

Trả lời:

Các nhân tố cả môi trường bị thay đổi: Độ ẩm không khí , nhiệt độ, lượng mưa, chế độ dinh dưỡng, vi sinh vật, ánh sáng, ... các điều kiện trên thay đổi từ điều kiện ở rừng rậm sang điều kiện môi trường ở vườn nhà.

Tuần 22-Tiết 44- Bài 42: Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật

Câu 1: Thảo luận theo nhóm và so sánh theo bảng 42.1

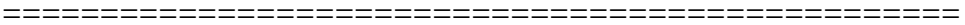
Trả lời: Ảnh hưởng của ánh sáng tới hình thái và sinh lí của cây

Những đặc điểm của cây	Khi cây sống nơi quang đãng	Khi cây sống trong bóng râm, dưới tán cây khác, trong nhà...
Đặc điểm hình thái - Lá - Thân	 	
Đặc điểm sinh lí - Quang hợp -Thoát hơi nước	 	

Trả lời:

Bảng 42.1. Ảnh hưởng của ánh sáng tới hình thái và sinh lí của cây

Những đặc điểm của cây	Khi cây sống nơi quang đãng	Khi cây sống trong bóng râm, dưới tán cây khác, trong nhà...
Đặc điểm hình thái - Lá - Thân	Lá nhỏ, màu nhạt, thường xếp xiên Thân cao, thẳng	Lá lớn, màu đậm, thường xếp ngang Thân thấp, nhỏ
Đặc điểm sinh lí - Quang hợp - Thoát hơi nước	Quang hợp mạnh Thoát hơi nước mạnh	Quang hợp vừa Thoát hơi nước vừa



Câu 2: Nghiên cứu thí nghiệm mục II SGK. Em chọn khả năng nào trong 3 khả năng được nêu? Điều đó chứng tỏ ánh sáng ảnh hưởng tới động vật như thế nào?

Trả lời:

Trả lời: Kiến sẽ bò theo hướng ánh sáng gương phản chiếu. Điều này chứng tỏ ánh sáng giúp động vật nhận biết các vật và định hướng di chuyển trong không gian

Câu 3: Chọn từ/ cụm từ phù hợp điền vào chỗ trống:

Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật, làm thay đổi những đặc điểm của thực vật. Mỗi loài cây thích nghi với những điều kiện khác nhau. Có nhóm cây và

*Trả lời: Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật, làm thay đổi những đặc điểm **hình thái, sinh lí** của thực vật. Mỗi loài cây thích nghi với những điều kiện **chiếu sáng** khác nhau. Có nhóm cây **ưa sáng** và **nhóm cây ưa bóng***

Câu 4: Ánh sáng có ảnh hưởng gì tới động vật?

- A. Hoạt động của động vật
- B. Khả năng sinh trưởng của động vật
- C. Khả năng sinh sản của động vật
- D. Cả A, B và C

Trả lời: Chọn đáp án D. Cả A, B và C

Câu 5: Nêu sự khác nhau giữa thực vật ưa sáng và ưa bóng?

Trả lời:

=====

Trả lời: *Thực vật ưa sáng: sống ở nơi quang đãng, thân cao, thẳng, lá nhỏ có màu xanh nhạt và thường xếp xiên.*
Thực vật ưa bóng: sống dưới tán cây khác ở nơi có cường độ ánh sáng yếu, thân thấp, lá to có màu xanh nhạt và thường xếp ngang.

Câu 6: Hãy điền tiếp vào bảng 42.2

Trả lời: Các đặc điểm hình thái của cây ưa sáng và cây ưa bóng

Tên cây	Đặc điểm	Nhóm cây
Bạch đàn	-----	-----
Lá lốt	-----	-----
Phượng vĩ	-----	-----
Hoa đồng tiền	-----	-----
Cây bàng	-----	-----

Trả lời: Các đặc điểm hình thái của cây ưa sáng và cây ưa bóng

Tên cây	Đặc điểm	Nhóm cây
Bạch đàn	<i>Thân cao, lá nhỏ xếp xiên, màu lá nhạt, cây mọc nơi quang đãng</i>	<i>Ưa sáng</i>
Lá lốt	<i>Cây nhỏ, lá to xếp ngang, màu lá sẫm, cây mọc dưới tán cây to nơi có ánh sáng yếu</i>	<i>Ưa bóng</i>
Phượng vĩ	<i>Thân cao, lá nhỏ xếp xiên, màu lá nhạt, mọc nơi quang đãng</i>	<i>Ưa sáng</i>
Hoa đồng tiền	<i>Cây thân thảo, lá to xếp ngang, lá màu sẫm, mọc nơi có ánh sáng yếu</i>	<i>Ưa bóng</i>
Cây bàng	<i>Cây cao, lá to xếp xiên, màu lá nhạt, mọc ở nơi quang đãng</i>	<i>Ưa sáng</i>

Câu 7: Dựa vào các câu hỏi gợi ý dưới đây, hãy giải thích vì sao các cành phía dưới của cây sống trong rừng lại sớm bị rụng:

- Ánh sáng mặt trời chiếu vào cành cây phía trên và cành cây phía dưới khác nhau như thế nào?

- Khi lá cây bị thiếu ánh sáng thì khả năng quang hợp của lá bị ảnh hưởng như thế nào?

Trả lời: -----

Trả lời: *Lượng ánh sáng chiếu vào các cành phía dưới của cây trong rừng rất thấp hoặc thậm chí không chiếu tới, các lá trên cành không thể quang hợp hoặc quang hợp với cường độ rất yếu, nhưng lại vẫn thoát hơi nước nhiều, do đó các cành này thường sớm bị rụng.*

=====

Tuần 23-Tiết 45-

Bài 43: Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật

Câu 1: Trong chương trình Sinh học 6, em đã được học quá trình quang hợp và hô hấp của cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường như thế nào?

Trả lời:

-Quá trình quang hợp và hô hấp ở cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường từ.....

-Nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp cây sẽ

Trả lời: *Quá trình quang hợp và hô hấp ở cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường từ 20°C đến 30°C. Nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp cây sẽ ngừng quang hợp và hô hấp.*

Câu 2: Hãy lấy ví dụ minh họa các sinh vật thích nghi với môi trường có độ ẩm khác nhau theo mẫu bảng 43.2. Các nhóm sinh vật thích nghi với độ ẩm khác nhau của môi trường

Trả lời:

Các nhóm sinh vật	Tên sinh vật	Môi trường sống
Thực vật ưa ẩm	Rêu, dương xỉ	
Thực vật chịu hạn	Xương rồng	
Động vật ưa ẩm	Giun đất	
Động vật ưa khô	Thằn lằn	

Trả lời: Bảng 43.2. Các nhóm sinh vật thích nghi với độ ẩm khác nhau của môi trường

<i>Các nhóm sinh vật</i>	<i>Tên sinh vật</i>	<i>Môi trường sống</i>
<i>Thực vật ưa ẩm</i>	<i>Rêu, dương xỉ</i>	<i>Nơi ẩm ướt</i>
<i>Thực vật chịu hạn</i>	<i>Xương rồng</i>	<i>Hoang mạc</i>

=====

<i>Động vật ưa ẩm</i>	<i>Giun đất</i>	<i>Trong đất</i>
<i>Động vật ưa khô</i>	<i>Thằn lằn</i>	<i>Nơi khô hạn</i>

Câu 3: Điền từ/ cụm từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

Nhiệt độ của môi trường có ảnh hưởng tới,
 của sinh vật. Đa số các loài sống trong phạm
 vi nhiệt độ 0 – 50°C. Tuy nhiên cũng có một số sinh vật nhờ khả
 năng thích nghi cao nên có thể sống được ở nhiệt độ rất thấp hoặc rất
 cao.

Sinh vật được chia thành 2 nhóm: và

Trả lời: *Nhiệt độ của môi trường có ảnh hưởng tới **hình thái, hoạt động sinh lí** của sinh vật. Đa số các loài sống trong phạm vi nhiệt độ 0 – 50°C. Tuy nhiên cũng có một số sinh vật nhờ khả năng thích nghi cao nên có thể sống được ở nhiệt độ rất thấp hoặc rất cao.*

*Sinh vật được chia thành 2 nhóm: **sinh vật hằng nhiệt và sinh vật biến nhiệt***

Câu 4: Nhiệt độ của môi trường ảnh hưởng tới đặc điểm hình thái và sinh lí của sinh vật như thế nào?

Trả lời: -----

Trả lời: *Nhiệt độ ảnh hưởng đến hình thái và sinh lí của sinh vật. Các loài sinh vật sẽ có những biến đổi về hình thái và đặc điểm sinh lí phù hợp với môi trường mà chúng sinh sống sao cho cơ thể thích nghi tốt nhất với môi trường.*

Câu 5: Căn cứ vào khả năng thích nghi của sinh vật đối với độ ẩm. Thực vật và động vật được chia thành những nhóm nào?

Trả lời: -----

 =====

Trả lời: *Căn cứ vào khả năng thích nghi của sinh vật đối với độ ẩm. Thực vật được chia thành các nhóm ưa ẩm và chịu hạn và động vật được chia thành các nhóm ưa ẩm và ưa khô.*

Câu 6: Trong hai nhóm sinh vật hằng nhiệt và biến nhiệt, sinh vật thuộc nhóm nào có khả năng chịu đựng cao với sự thay đổi nhiệt độ của môi trường? Tại sao?

Trả lời:

Trả lời: *Sinh vật hằng nhiệt là nhóm có khả năng chịu đựng cao với sự thay đổi của môi trường vì bản thân chúng có cơ chế điều chỉnh để nhiệt độ cơ thể luôn ở mức bình thường, giúp các hoạt động sinh lí, sinh hóa vẫn diễn ra ổn định ngay cả khi nhiệt độ môi trường sống bị biến đổi.*

Câu 7: Hãy so sánh đặc điểm khác nhau giữa hai nhóm cây ưa ẩm và chịu hạn.

Trả lời:

Nhóm cây ưa ẩm: -----

Nhóm cây chịu hạn: -----

Trả lời:

- *Nhóm cây ưa ẩm: thường có hệ rễ không thực sự phát triển, lá cây thường mỏng và có khả năng thoát hơi nước khá mạnh*
- *Nhóm cây chịu hạn: Cơ thể mọng nước hoặc lá và thân tiêu giảm, lá biến thành gai, bộ rễ phát triển.*

=====

Câu 8: Hãy kể tên 10 động vật thuộc nhóm động vật ưa ẩm và ưa khô.

Trả lời:

Động vật ưa ẩm: -----

Động vật ưa khô: -----

Trả lời:

- Động vật ưa ẩm: giun đất, ếch, nhái, chẫu chuộc, rắn giun, ếch ương, ...
- Động vật ưa khô: thằn lằn, rắn, rùa cạn, kì nhông, tê tê, ...

Tuần 23-Tiết 46- Bài 44: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật

Câu 1: Quan sát hình 44.1 SGK và trả lời các câu hỏi sau:

- a) Khi có gió bão, thực vật sống thành nhóm có lợi gì so với sống riêng rẽ?
- b) Trong tự nhiên, động vật sống thành bầy đàn có lợi gì?

Trả lời:

- a) -----

- b) -----

Trả lời:

- a) Khi có gió bão, thực vật sống thành nhóm có thể chống đỡ cùng nhau, giúp giảm nguy cơ bị bật gốc rễ và gãy cành lá.*
- b) Trong tự nhiên, động vật sống thành bầy đàn giúp tăng khả năng kiếm được nhiều thức ăn, bảo vệ lẫn nhau và bảo vệ con non trong bầy và cùng chống lại kẻ thù, tăng khả năng sống sót của mỗi cá thể*

Câu 2: Đánh dấu x vào ô vuông chỉ câu đúng

	Hiện tượng cá thể tách khỏi nhóm làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể
	Hiện tượng cá thể tách khỏi nhóm làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng
	Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.

=====

Trả lời:

	Hiện tượng cá thể tách khỏi nhóm làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể
	Hiện tượng cá thể tách khỏi nhóm làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng
X	Hiện tượng cá thể tách ra khỏi nhóm làm giảm nhẹ cạnh tranh giữa các cá thể, hạn chế cạn kiệt nguồn thức ăn trong vùng.

Câu 3: Trong các ví dụ sau đây, quan hệ nào là hỗ trợ (viết chữ H vào ô vuông đầu câu), quan hệ nào là đối địch (viết chữ Đ vào ô vuông đầu câu)?

	Ở địa y, các sợi nấm hút nước và muối khoáng cung cấp cho tảo, tảo hấp thu nước, muối khoáng và năng lượng ánh sáng mặt trời tổng hợp nên chất hữu cơ, nấm và tảo đều sử dụng các sản phẩm hữu cơ do tảo tổng hợp.
	Trên một cánh đồng lúa, khi cỏ dại phát triển, năng suất lúa giảm.
	Hươu, nai và hổ cùng sống trong một cánh rừng. Số lượng hươu, nai bị khống chế bởi số lượng hổ.
	Rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Chúng sống được nhờ hút máu của trâu, bò.
	Địa y sống bám trên cành cây.
	Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
	Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.
	Giun đũa sống trong ruột người.
	Vi khuẩn sống trong nốt sần rễ cây họ đậu.
	Cây nắp ấm bắt côn trùng.

Trả lời:

H	Ở địa y, các sợi nấm hút nước và muối khoáng cung cấp cho tảo, tảo hấp thu nước, muối khoáng và năng lượng ánh sáng mặt trời tổng hợp nên chất hữu cơ, nấm và tảo đều sử dụng các sản phẩm hữu cơ do tảo tổng hợp.
Đ	Trên một cánh đồng lúa, khi cỏ dại phát triển, năng suất lúa giảm.
Đ	Hươu, nai và hổ cùng sống trong một cánh rừng. Số lượng hươu, nai bị khống chế bởi số lượng hổ.
Đ	Rận và bét sống bám trên da trâu, bò. Chúng sống được nhờ hút máu của trâu, bò.
Đ	Địa y sống bám trên cành cây.
H	Cá ép bám vào rùa biển, nhờ đó cá được đưa đi xa.
Đ	Dê và bò cùng ăn cỏ trên một cánh đồng.
Đ	Giun đũa sống trong ruột người.
H	Vi khuẩn sống trong nốt sần rễ cây họ đậu.
Đ	Cây nắp ấm bắt côn trùng.

Câu 4: Sự khác nhau chủ yếu giữa quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối địch của các sinh vật khác loài là gì?

Trả lời:

Quan hệ hỗ trợ: -----

Quan hệ đối địch: -----

Trả lời:

- *Quan hệ hỗ trợ: các loài đều có lợi hoặc ít nhất không bị hại*

=====

- *Quan hệ đối địch: một loài có lợi và loài khác bị hại hoặc cả hai cùng bị hại*

Câu 5: Điền từ/ cụm từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

Trong tự nhiên, thường không có sinh vật nào sống với các sinh vật khác. Thông qua các mối quan hệ cùng loài và khác loài, các sinh vật luôn luôn hoặc lẫn nhau.

Trả lời: *Trong tự nhiên, thường không có sinh vật nào sống **tách biệt** với các sinh vật khác. Thông qua các mối quan hệ cùng loài và khác loài, các sinh vật luôn luôn **hỗ trợ hoặc cạnh tranh** lẫn nhau.*

Câu 6: Khi nào thì các sinh vật cùng loài cạnh tranh nhau và dẫn tới một số cá thể tách khỏi nhóm?

Trả lời:) -----

Trả lời: *Khi điều kiện sống không đủ đáp ứng nhu cầu của tất cả các cá thể trong cùng loài sẽ dẫn tới cạnh tranh trong loài và một số cá thể phải tách nhóm.*

Câu 7: Các sinh vật khác loài có quan hệ hoặc **hỗ trợ hoặc đối địch**. Quan hệ nào là **có lợi** (hoặc ít nhất không có hại) cho tất cả các loài sinh vật? Quan hệ nào là **có hại** cho một bên hoặc cả hai bên?

Trả lời:

Quan hệ hỗ trợ:) -----

Quan hệ cạnh tranh:) -----

Trả lời:

- *Quan hệ hỗ trợ: có lợi hoặc ít nhất không gây hại*
- *Quan hệ cạnh tranh: có hại cho 1 bên hoặc cả hai bên.*

Câu 8: Các sinh vật cùng loài hỗ trợ và cạnh tranh lẫn nhau trong những điều kiện nào?

=====

Trả lời:

Các sinh vật cùng loài hỗ trợ nhau khi -----

Các sinh vật cùng loài cạnh tranh nhau khi -----

Trả lời:

Các sinh vật cùng loài hỗ trợ nhau khi điều kiện sống vẫn đủ đáp ứng nhu cầu tất cả thành viên trong loài, khi chúng cần giúp nhau để kiếm ăn, tránh kẻ thù,...

Các sinh vật cùng loài cạnh tranh nhau khi môi trường sống không đủ đáp ứng nhu cầu tất cả các thành viên trong loài hoặc khi cạnh tranh sinh sản.

Câu 9: Quan hệ giữa các cá thể trong hiện tượng tự tử ở thực vật là mối quan hệ gì? Trong điều kiện nào hiện tượng tự tử diễn ra mạnh mẽ?

Trả lời:

Tự tử thừa là hiện tượng cạnh tranh lẫn nhau ở thực vật cùng loài.

Hiện tượng tự tử diễn ra khi) -----

Trả lời: Tự tử thừa là hiện tượng cạnh tranh lẫn nhau ở thực vật cùng loài. Hiện tượng tự tử diễn ra khi mật độ các cá thể quá cao,

=====

lượng ánh sáng không đủ để phân bố tới tất cả cá thể, cây nào sống khỏe sẽ tiếp tục vươn lên lấy ánh sáng, cây nào yếu ớt sẽ bị chết để giải phóng không gian.

Câu 10: Hãy tìm thêm các ví dụ minh họa quan hệ hỗ trợ và đối địch của các sinh vật khác loài. Trong các ví dụ đó, những sinh vật nào là sinh vật được lợi hoặc bị hại.

Trả lời:

-Quan hệ hỗ trợ: Tôm nhỏ “dọn vệ sinh” giúp các loài cá lớn: tôm có được thức ăn, cá lớn tránh bị vi sinh vật gây bệnh; Hải quỳ bám trên cua biển: Hải quỳ được di chuyển theo cua biển và có được thức ăn, cua biển được bảo vệ khỏi sự tấn công sinh vật săn mồi nhờ nọc độc của hải quỳ;...

-Quan hệ cạnh tranh: Chim ưng săn bắt thỏ: chim ưng có được thức ăn, thỏ bị hại; giun, sán kí sinh trong cơ thể trâu bò: giun sán có nơi sống và dinh dưỡng, trâu bò bị hại do bị nhiễm bệnh,...

Câu 11: Trong thực tiễn sản xuất, cần phải làm gì để tránh sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể sinh vật, làm giảm năng suất vật nuôi, cây trồng?

Trả lời:

Trả lời: Trong thực tiễn sản xuất cần tạo điều kiện đầy đủ đáp ứng nhu cầu sống của cây trồng vật nuôi: nơi sống, thức ăn, chất dinh dưỡng, điều kiện sống, ... để hạn chế cạnh tranh giữa các cá thể.

=====

Câu 12: Giữa các loài có các mối quan hệ đối địch sau (chọn phương án trả lời đúng nhất):

- A. Cạnh tranh và kí sinh, nửa kí sinh
- B. Nửa kí sinh và sinh vật ăn sinh vật khác
- C. Cạnh tranh và sinh vật ăn sinh vật khác
- D. Cạnh tranh, kí sinh và nửa kí sinh, sinh vật ăn sinh vật khác

Trả lời:

Trả lời: *Chọn đáp án D. Cạnh tranh, kí sinh và nửa kí sinh, sinh vật ăn sinh vật khác*

=====

Bài 45-46: Thực hành : Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật

I. Bài tập thực hành

Câu 1: Hoàn thành bảng 45.1 Các loại sinh vật quan sát có trong địa điểm thực hành

Trả lời:

Tên sinh vật	Nơi sống
Thực vật	-----
Động vật	-----
Nấm	-----
Địa y	-----

Câu 2: Hoàn thành bảng 45.2 Các đặc điểm hình thái của lá cây

Trả lời:

STT	Tên cây	Nơi sống	Đặc điểm của phiến lá	Các đặc điểm này chứng tỏ lá cây quan sát là:
1	Cây bàng	-----	-----	Cây ưa sáng
2	Cây bàng lăng	-----	-----	Cây ưa sáng
3	Cây rong đuôi chó	-----	-----	Chìm trong nước
4	Rêu tường	-----	-----	Lá cây ưa ẩm
5	Khoai nước	-----	-----	Lá cây ưa bóng

=====

6	Cây bèo tây	-----	-----	Lá cây nổi trên mặt nước
7	Cây lá lốt	-----	-----	Lá cây ưa bóng
8	Cây sen	-----	-----	Lá cây nổi trên mặt nước
9	Cây hướng dương	-----	-----	Lá cây ưa sáng
10	Cây trúc đào	-----	-----	Lá cây ưa sáng

Câu 3: Vẽ một số dạng phiến lá quan sát được?

Trả lời:

=====

**Câu 4: Hoàn thành bảng 45.3 Môi trường sống của các động vật
quan sát được**

Trả lời:

STT	Tên động vật	Môi trường sống	Mô tả đặc điểm của động vật thích nghi với môi trường sống
1	Cá chép	-----	-----
2	Giun đất	-----	-----
3	Cánh cam	-----	-----
4	Chó	-----	-----
5	Ếch	-----	-----

II. Thu hoạch

1. Tên bài:

2. Họ và tên:

3. Nội dung thực hành: trả lời các câu hỏi sau:

a. Có mấy loại môi trường sống của sinh vật? Đó là những môi trường nào?

Trả lời:

b. Hãy kể tên những nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến đời sống sinh vật

Trả lời:

=====

c. Lá cây ưa sáng mà em đã quan sát có những đặc điểm hình thái như thế nào?

Trả lời:

d. Lá cây ưa bóng mà em đã quan sát có những đặc điểm hình thái như thế nào?

Trả lời:

e. Các loài động vật mà em quan sát được thuộc nhóm động vật sống trong nước, ưa ẩm hay ưa khô?

Trả lời:

f. Nhận xét chung của em về môi trường đã quan sát.

Trả lời:

=====